

Giảng dạy pháp luật quyền tác giả trong các trường đại học Việt Nam

Teaching copyright law at Vietnamese universities

Trần Quang Trung*
Tran Quang Trung*

Khoa Luật, Trường Ngôn ngữ - Xã hội Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam
Faculty of Law, School of Languages, Humanities and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 28/05/2024, ngày phản biện xong: 09/06/2024, ngày chấp nhận đăng: 09/07/2024)

Tóm tắt

Ở môi trường giáo dục đại học, trích dẫn là việc rất phổ biến trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, sinh viên, học viên, kể cả giảng viên thực hiện trích dẫn rất tùy tiện, nhất là vi phạm trích dẫn hợp lý. Điều này gây tác động tiêu cực và ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, chất lượng giáo dục đại học. Bài viết này phân tích thực trạng và nguyên nhân vi phạm trích dẫn hợp lý trong môi trường giáo dục đại học; đồng thời đề xuất một số khuyến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: sao chép; trích dẫn; quyền tác giả.

Abstract

In the higher education environment, citations are very common in scientific research, teaching and learning. However, for various reasons, students, and lecturers make very arbitrary citations, particularly in violation of reasonable quotations. This has a negative impact and seriously affects the reputation and the quality of higher education. This article analyzes the situation and the causes of appropriate citation violations and proposes some solutions to handle the issue.

Keywords: copy; citation; copyright.

1. Giới thiệu

Sau 17 năm (kể từ ngày 26/10/2004) Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật có hiệu lực trên lãnh thổ Việt Nam, và hơn 16 năm ban hành và thực hiện Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2005 sửa đổi, bổ sung, bên cạnh những thành tựu đạt được, hiện tượng xâm phạm quyền tác giả vẫn tiếp tục diễn biến tiêu cực một cách nghiêm trọng và rất đáng báo động. Các cơ quan hữu quan dù có nhiều nỗ lực thúc đẩy việc

bảo vệ quyền tác giả nhưng vẫn chưa phát huy hết hiệu quả. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi mà năng lực sáng tác, sáng tạo của xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ, cộng hưởng với sự ra đời và liên tục đổi mới các công cụ thuộc nhóm trí tuệ nhân tạo (AI) cũng như các nền tảng công nghệ, mạng xã hội... thì việc bảo vệ quyền tác giả trở nên cấp thiết hơn. Bản chất cốt lõi của pháp luật quyền tác giả là cân đối hài hòa và hợp lý nhất giữa lợi ích của chủ thể sáng tác, sáng tạo

*Tác giả liên hệ: Trần Quang Trung
Email: tranquangtrung@gmail.com

tác phẩm với nhu cầu thụ hưởng, sử dụng của xã hội, công chúng vì sự tiến bộ và phát triển chung. Chịu trách nhiệm chính trong việc cân đối hợp lý những lợi ích này trước hết thuộc về Nhà nước, rồi sau đó mới đến vai trò của các chủ thể có liên quan khác. Bởi Nhà nước thông qua hoạt động ban hành pháp luật nhằm tạo sự ổn định vĩ mô trong chính sách quyền tác giả; đồng thời thiết lập khuôn khổ pháp lý, các mô hình hành vi hợp pháp cho các bên có liên quan (như chủ thể sáng tác/ sáng tạo, chủ sở hữu cũng như cá nhân, tổ chức thụ hưởng) trong ứng xử trước tác phẩm. Ngoài Nhà nước, nhiều cá nhân, tổ chức khác trong chừng mực nhất định có trách nhiệm thi hành chính sách pháp luật quyền tác giả ở những khía cạnh khác nhau, đặc biệt trong môi trường giáo dục đại học, nơi giảng dạy, khai phóng không chỉ người dạy mà lẫn người học về năng lực sáng tác/sáng tạo. Việc thực thi hiệu quả pháp luật quyền tác giả trong các trường đại học không chỉ tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh, trung thực và liêm chính học thuật mà còn trở thành động lực mạnh mẽ để cả người dạy lẫn người học tìm tòi khám phá, sáng tạo để cung ứng cho nền giáo dục đại học những sản phẩm có chất lượng cao nhất.

Tuy nhiên, trong môi trường này, tình trạng xâm phạm pháp luật quyền tác giả có hình thức mức độ, tần suất, phương thức thực hiện ngày càng tinh vi như: gian lận trích dẫn, sao chép và phát hành tùy tiện đang diễn biến hết sức phức tạp, gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Để góp phần giảm thiểu tình trạng xâm phạm quyền tác giả trong môi trường giáo dục đại học, hướng đến một môi trường đại học lành mạnh, bài viết sẽ tập trung vào mấy vấn đề chính: (1) phân tích sự cần thiết phải giảng dạy pháp luật quyền tác giả trong trường đại học; (2) chỉ ra những biểu hiện phổ biến nhất của hành vi xâm phạm quyền tác giả, đó là trích dẫn và (3) đề xuất một số ý tưởng để hoàn thiện việc thực thi pháp luật quyền tác giả trong giáo dục đại học tại Việt Nam.

2. Sự cần thiết giảng dạy pháp luật quyền tác giả trong các trường đại học Việt Nam

2.1. Đối với tác giả

Giảng dạy quyền tác giả trong môi trường giáo dục đại học trước hết giúp tác giả biết cách tự bảo vệ “đứa con tinh thần” nhằm khai thác có hiệu quả các quyền và lợi ích vật chất, tinh thần từ tác phẩm cũng như uy tín khoa học và thành quả lao động, sáng tạo của tác giả. Điều này hoàn toàn phù hợp với khuyến nghị trong khoản 2, Điều 27 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948: “*Ai cũng được bảo vệ bởi những quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ những sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình*” [3]. Trong môi trường giáo dục đại học, không có sự khích lệ nào mạnh hơn đối với tác giả, nếu người sử dụng biết cách khai thác tác phẩm với tinh thần tôn trọng pháp luật, cũng như trân quý thành quả lao động của tác giả. Khi nhận thấy tác phẩm của mình hữu ích, thiết thực hơn, được nhiều người quan tâm nghiên cứu, trích dẫn hợp lý khiến tinh thần, năng lực sáng tạo của tác giả thăng hoa; họ tiếp tục nghiên cứu, cống hiến, công bố sản phẩm khoa học mới có hàm lượng trí tuệ ngày càng cao. Do đó, chủ thể hưởng lợi ích trước hết không phải là giảng viên, tác giả mà chính là sinh viên, bởi họ được đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu học liệu, có nhiều cơ hội tiếp cận tri thức khoa học với những sáng tạo mới. Ngược lại, những hành vi xâm phạm quyền tác giả nghiêm trọng không được ngăn chặn sẽ làm cho uy tín khoa học của giảng viên không được bảo vệ kịp thời, làm thui chột tinh thần sáng tạo, cống hiến của giảng viên; khiến cho nguồn học liệu trở nên nghèo nàn, thiếu cập nhật.

Ngoài ra, giảng dạy pháp luật quyền tác giả giúp tác giả biết cách khai thác, làm gia tăng giá trị thương mại, hiệu quả kinh tế tác phẩm hay sản phẩm sáng tạo khoa học. Hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học xuất phát từ nhiều yêu cầu, mục đích khác nhau, tùy theo chủ thể thực hiện là giảng viên, hay sinh viên. Sản phẩm

ngiên cứu gồm hai loại nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng [9] nên mỗi loại sản phẩm nghiên cứu có giá trị học thuật, kinh tế có thể khác nhau. Nếu có biện pháp tác động, khai thác tích cực, phù hợp sẽ làm gia tăng giá trị kinh tế, thương mại của tác phẩm; tác giả có được nguồn thu từ người sử dụng kết quả nghiên cứu của mình. Nhiều đề tài, luận án, luận văn được nghiệm thu, bảo vệ xong, chỉ còn giá trị “trung bày” trong ngăn tủ, ngăn kéo, mặc dù nó cung cấp nhiều thông tin có giá trị và rất bổ ích.

2.2. Đối với người sử dụng tác phẩm

Trong môi trường giáo dục đại học, sinh viên, học viên và giảng viên là chủ thể khai thác, sử dụng tác phẩm nhằm phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu... nên việc trao truyền kiến thức pháp luật quyền tác giả đối với các chủ thể này đóng vai trò rất quan trọng, cụ thể:

- *Tạo lập tính trung thực trong học tập, thi cử, nghiên cứu.* Hiện trạng xâm phạm pháp luật quyền tác giả như vi phạm trích dẫn, sử dụng bừa bãi, sao chép, nhân bản tác phẩm... ngày càng phổ biến. Điều này tác động tiêu cực chất lượng, uy tín môi trường giáo dục đại học, hình thành hành vi dối trá, đối phó trong học tập, thi cử. Kết quả xã hội phải tiếp nhận những kỹ sư, cử nhân thiếu đạo đức, thừa gian dối; thiếu sáng tạo, thừa khả năng chiếm đoạt tri thức... Như vậy, việc giảng dạy pháp luật quyền tác giả sẽ tác động lên nhận thức sinh viên nhằm hình thành thái độ, ý thức sử dụng, khai thác tác phẩm phù hợp pháp luật. Qua đó, góp phần nâng cao phẩm chất đạo đức, tính trung thực trong học tập, thi cử; loại bỏ tình trạng gian dối, đối phó trong khi đang học tập. Kết quả cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao, năng động, sáng tạo và đặc biệt có đầy đủ phẩm chất đạo đức, phẩm hạnh làm người, làm nghề.

- Góp phần nâng cao ý thức pháp luật quyền tác giả, giúp mọi người biết tôn trọng công sức, thành quả lao động chính đáng của tác giả cũng như biết cách tự bảo vệ quyền tác giả đối với tác

phẩm. Mỗi tác phẩm dùng trong giảng dạy đại học luôn chứa trong nó lòng yêu nghề, tâm huyết, kết tinh các giá trị vật chất, tinh thần vô giá của giảng viên nên người sử dụng tác phẩm cần biết tôn trọng các giá trị đó. Chỉ người nào biết trân quý, tôn trọng sáng tạo của người khác, mới có cơ sở hi vọng rằng, người đó sẽ là chủ thể sáng tạo; đồng thời họ sẽ biết cách bảo vệ thành quả của mình và buộc người khác phải tôn trọng như chính mình đã làm. Do vậy, trong dòng chảy sáng tạo, không thể có bước chân của kẻ “đi tắt đón đầu” trên thành quả của người khác, bằng cách vi phạm trích dẫn, chiếm đoạt ý tưởng, bản quyền.

Do vậy, giảng dạy pháp luật quyền tác giả trong môi trường đại học sẽ làm cho người học biết tự hào rằng, họ biết cách khai thác tác phẩm một cách hợp pháp, hợp lý - một năng lực vượt trội trong nghiên cứu; thay vì lâu nay, họ ảo tưởng rằng, sẽ được đánh giá cao khi qua mặt thầy cô, bạn bè bằng hành vi chiếm đoạt tri thức, chất xám nhưng không bị phát hiện.

- *Góp phần hoàn thiện năng lực, kỹ năng nghiên cứu, bảo đảm tính khoa học, giá trị học thuật các đề tài công trình nghiên cứu của sinh viên.* Trong chương trình đào tạo bậc đại học, ngoài bài thi, sinh viên còn nghiên cứu, thực hiện đề tài nên phải tham khảo một lượng lớn tài liệu nhưng không phải lúc nào cũng có ý thức trích dẫn, khai thác, sử dụng tác phẩm hợp pháp. Điều này không chỉ xâm phạm quyền tác giả, mà còn làm mất hay giảm tính khoa học của sản phẩm học thuật, tạo ra nghi ngờ về tính trung thực cũng như uy tín, năng lực nghiên cứu của sinh viên. Ngược lại, sinh viên biết cách trích dẫn, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu trong tài liệu giáo trình sẽ phát triển năng lực và uy tín nghiên cứu của sinh viên; nâng cao giá trị công trình học thuật.

2.3. Đối với cơ sở giáo dục đại học cũng như nền giáo dục đại học Việt Nam

Khác với giáo dục phổ thông, ở bậc học đại học, giáo dục gắn liền đào tạo nên đề cao tính

chủ động, tinh thần sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu; *sinh viên có nhiệm vụ học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định* [10]. Đối với giảng viên không chỉ thực hiện việc giảng dạy thuần túy mà còn có nghĩa vụ *nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo*. Ngoài ra, theo Nghị định 73/2015/NĐ-CP [2], một trong những tiêu chí quan trọng nhất để xếp hạng cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học; điều này cũng đồng nghĩa cần nâng cao năng lực nhận thức pháp luật quyền tác giả. Bởi hoạt động nghiên cứu khoa học luôn đòi hỏi tư duy độc lập, sáng tạo kết hợp tham khảo, kế thừa, phát triển tri thức đã có nhưng tuyệt nhiên phải bảo đảm tôn trọng quyền tác giả. Qua đó, từng bước hình thành văn hóa pháp lý bản quyền trong môi trường giáo dục đại học, nâng cao uy tín khoa học và vị thế của cơ sở giáo dục đại học không chỉ trong nước mà trên thế giới.

Điều 5 Luật Giáo dục đại học hiện hành có bốn lần đề cập mục tiêu sáng tạo: “*Đào tạo người học có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn*” [10]. Sự sáng tạo trong giáo dục đại học thể hiện ở nhiều khía cạnh cơ bản: sáng tạo phương pháp, sáng tạo nội dung, sáng tạo sản phẩm lý thuyết cơ bản, ứng dụng... Ngoại trừ sáng tạo phương pháp, các sáng tạo khác phải tuân thủ pháp luật quyền tác giả. Nền giáo dục liêm chính và khai phóng phải tuyệt đối ngăn chặn những kiểu hành vi “*sáng tạo lại sự sáng tạo của người khác*” bằng những thủ thuật bất chấp luân lý, đạo đức, pháp luật như hành vi cắt xén, xuyên tạc, tự ý sửa chữa, chiếm đoạt... sản phẩm lao động trí tuệ của người khác.

3. Những nội dung cơ bản về pháp luật quyền tác giả cần giảng dạy trong môi trường giáo dục đại học

3.1. Các nhóm nội dung giảng dạy lý thuyết

Thứ nhất, nhóm kiến thức lý luận chung về quyền tác giả như: lịch sử hình thành về vấn đề quyền tác giả; ý nghĩa, vai trò của việc học tập, nghiên cứu quyền tác giả; những lợi ích mà pháp luật quyền tác giả đem lại cho tác giả, cũng như cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm; những hệ lụy hoặc hậu quả mà các bên chủ thể trong quan hệ pháp luật quyền tác giả không tuân thủ các quy tắc của pháp luật... Nhóm kiến thức này bước đầu sẽ giúp người học hình thành những nhận thức căn bản về vấn đề quyền tác giả cũng như pháp luật quyền tác giả. Chỉ khi nào lúc mới tiếp cận môn học mà người học có những hiểu biết, thiện cảm nhất định thì những hiểu biết, thiện cảm đó trở thành động lực trong học tập. Trên cơ sở đó, sinh viên/ học viên sẽ tập trung lĩnh hội nội dung các quy định của pháp luật quyền tác giả hiệu quả hơn.

Thứ hai, nhóm kiến thức tổng quan pháp luật quyền tác giả bao gồm: cơ sở pháp lý quyền tác giả; khái niệm, đặc điểm quyền tác giả; chủ thể quyền tác giả; các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả; cấu trúc (nội dung) quyền tác giả... Nhóm kiến thức này trước hết giúp người học nhận thức và định hình một cách tổng quan những khái niệm, nội hàm các khái niệm về pháp luật quyền tác giả. Chỉ khi nào nắm vững các khái niệm này thì người học mới có thể hiểu biết sâu sắc hơn các quy định cụ thể pháp luật quyền tác giả. Nếu cho rằng, ở nhóm kiến thức đầu tiên là phác họa tổng thể về quyền tác giả thì ở nhóm kiến thức thứ hai này bắt đầu xây dựng nền tảng kiến thức pháp luật quyền tác giả.

Thứ ba, nhóm kiến thức về các giới hạn của pháp luật về quyền tác giả. Về bản chất, pháp luật quyền tác giả cân đối hài hòa lợi ích của tác giả/ chủ sở hữu quyền tác giả trong quá trình tạo ra tác phẩm với lợi ích, nhu cầu thụ hưởng của

công chúng vì sự phát triển và tiến bộ chung. Do vậy, pháp luật quyền tác giả không chỉ bảo vệ quyền của tác giả/ chủ sở hữu quyền tác giả mà trong chừng mực nhất định còn bảo vệ quyền của các cá nhân, tổ chức khác khi khai thác, sử dụng tác phẩm. Vì lẽ đó, pháp luật quyền tác giả đã có những quy định rất cụ thể về các giới hạn quyền tác giả và pháp luật chỉ bảo vệ quyền của các bên chủ thể trong phạm vi các giới hạn đó, cụ thể các giới hạn cơ bản như: thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm; sử dụng tác phẩm phải xin phép hoặc không xin phép chủ sở hữu quyền tác giả; sử dụng tác phẩm phải trả tiền hoặc không phải trả tiền bản quyền; các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả; giới hạn nội dung các quyền tác giả được bảo hộ.

Nắm vững quy định về các giới hạn này giúp các chủ thể biết cách khai thác tác phẩm một cách có hiệu quả nhằm bảo đảm các quyền và lợi ích của mình; đồng thời khi xảy ra hành vi xâm phạm quyền của mình thì biết cách bảo vệ kịp thời phù hợp với quy định của pháp luật. Trong khi đó, đối với người sử dụng tác phẩm việc hiểu được những giới hạn nhất định về quyền của mình để việc sử dụng vừa không xâm phạm quyền của tác giả, vừa khai thác hữu hiệu tác phẩm của chủ thể khác.

Thứ tư, nhóm quy định của pháp luật về xâm phạm quyền tác giả và hình thức xử lý. Nhóm kiến thức này giúp người học nhận diện rõ các hành vi bị xem là xâm phạm quyền tác giả để tránh phạm vào khi khai thác, sử dụng tác phẩm. Trong môi trường giáo dục đại học mà ở đó, tình trạng xâm phạm quyền tác giả rất ít hoặc không xảy ra cho thấy “tính liêm chính trong học thuật và nghiên cứu” được coi trọng; góp phần nâng cao vị thế, uy tín cũng như khẳng định chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cơ sở đào tạo. Trong nhóm kiến thức này có mấy vấn đề:

- Các hành vi xâm phạm các quyền nhân thân như: cắt xén, sửa đổi, xuyên tạc tác phẩm; trích dẫn không đúng quy cách; mạo danh tác giả...

- Các hành vi xâm phạm các quyền tài sản như: sao chép, phân phối, phát hành, làm tác phẩm phái sinh, sử dụng không xin phép, không trả tiền bản quyền... Lưu ý, nếu những hành vi này nằm trong các giới hạn, tức thuộc các trường hợp pháp luật cho phép thì không bị xem là xâm phạm quyền tác giả.

- Các hình thức xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả như: xử lý kỷ luật, xử lý về mặt dân sự, xử lý vi phạm hành chính và nặng nhất là truy cứu trách nhiệm hình sự. Tùy theo tính chất, mức độ hành vi xâm phạm mà pháp luật sẽ dự liệu các hình thức, biện pháp xử lý khác nhau.

Như vậy, qua việc nghiên cứu nhóm kiến thức này, người học sẽ nâng cao ý thức pháp luật quyền tác giả; nhận biết các hậu quả pháp lý nếu thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả. Tuy nhiên, đối với môi trường giáo dục đại học, cần tập trung giảng dạy nhiều hơn các hình thức xử lý kỷ luật sinh viên, giảng viên vi phạm quyền tác giả (trong khi đó, các hình thức xử lý khác chỉ điểm qua). Cũng cần lưu ý thêm rằng, quy định pháp luật quyền tác giả chỉ liệt kê các hành vi xâm phạm chung chung và căn cứ vào đó cũng như các quy định khác của pháp luật, các cơ sở giáo dục đại học đều ban hành quy chế riêng để cụ thể hóa việc thực hiện và bảo vệ quyền tác giả áp dụng tại đơn vị mình. Do vậy, giảng dạy nhóm kiến thức này cần lồng ghép các nội quy, quy chế của nhà trường có liên quan.

3.2. Hướng dẫn thực hành kỹ năng trích dẫn

Việc khai thác, sử dụng tác phẩm được thể hiện dưới nhiều hình thức, phương pháp, mục đích khác nhau nhưng không phải lúc nào cũng bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Nhất là đối với người sử dụng tác phẩm (không phải là tác giả) nếu không nắm vững các quy định của pháp luật thì việc khai thác tác phẩm sẽ dễ dẫn đến xâm phạm quyền tác giả, thậm chí là tranh chấp với tác giả. Thực tế cho thấy trong các trường đại học, hành vi vi phạm trích dẫn hợp lý phổ biến nhất; còn các hành vi khác như sao

chép, nhân bản, phát hành, chuyên thể... tuy cũng có vi phạm nhưng không đáng kể. Do vậy, cần phải giảng dạy và hướng dẫn kỹ năng trích dẫn tác phẩm phù hợp với quy định của pháp luật, gọi là trích dẫn hợp lý.

Theo Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam, “trích dẫn” là “Rút từ tác phẩm khác một câu hay một đoạn để làm sáng tỏ lý luận của mình” [5]. Theo Đại từ điển Tiếng Việt, “Trích dẫn” là “Dẫn nguyên văn một câu hay một đoạn văn để làm bằng” [17]. Theo định nghĩa khác, “Trích dẫn là việc sử dụng một tác phẩm (không đáng kể) của người khác để nêu bật ý tác giả” [7]. Một định nghĩa khác, “Trích dẫn là dẫn nguyên văn một câu hay một đoạn văn” [16].

Tổng hợp những quan niệm trên, có thể cho rằng trích dẫn phải bảo đảm các yêu cầu sau thì mới được gọi là “trích dẫn hợp lý” như quy định trong pháp luật sở hữu trí tuệ:

(i) Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề được đề cập trong tác phẩm;

(ii) Nội dung trích dẫn không được trở thành phần chính của tác phẩm;

(iii) Trích dẫn không được làm sai ý của tác giả có tác phẩm được trích dẫn;

(iv) Phải ghi rõ tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ tác phẩm được trích dẫn.

Dựa vào cách hiểu này, cần thiết phải hướng dẫn người học một số kỹ năng trích dẫn sau:

Thứ nhất, không được trích dẫn nội dung là thành phần chính trong tác phẩm khác để hình thành tác phẩm mới, trừ khi chỉ nhằm minh họa cho những giải pháp, kiến nghị do mình nghĩ ra. Nghiên cứu khoa học có hai dạng, gồm nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Kết quả nghiên cứu cơ bản có thể hình thành các lý thuyết, những quan niệm, định nghĩa mới về bản chất của sự vật, hiện tượng. Trong khi đó, nghiên cứu ứng dụng thường có kết quả bao gồm các giải pháp, biện pháp do tác giả đề xuất nhằm

hoàn thiện lĩnh vực nào đó trong đời sống xã hội. Những quan niệm, lý thuyết mới hay các giải pháp, kiến nghị luôn là nội dung trọng tâm, thành phần chính của đề tài/tác phẩm nghiên cứu. Do vậy, sẽ là trích dẫn không hợp lý, nếu “Chiếm đoạt” cơ sở lý thuyết, giải pháp từ tác phẩm khác đưa vào tác phẩm mình đang thực hiện và xem đó là của mình.

Thứ hai, cân đối tỷ lệ giữa phần gồm nội dung sáng tạo với nội dung trích dẫn nhằm bảo đảm tương quan giữa chúng. Nếu trong một tác phẩm mới mà có lượng nội dung trích dẫn quá lớn sẽ làm lu mờ phần sáng tác trong tác phẩm mới làm cho tác phẩm không có tính sáng tạo, không tạo ra tri thức mới trong tác phẩm. Trong trường hợp này, phần nội dung trích dẫn không còn mang tính bình luận, minh họa mà nghiêm nhiên trở thành thành phần chính của tác phẩm. Bởi khoản 7 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung) quy định “**Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào**”. Về vấn đề cân đối nội dung trích dẫn có hai điểm cần hướng dẫn rõ cho người học:

- *Cân đối tỷ lệ nội dung trích dẫn trong toàn bộ nội dung tác phẩm mới.* Hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ này mà chỉ dừng lại với yêu cầu trích dẫn phải bảo đảm tính hợp lý (tức trích dẫn hợp lý) và trên cơ sở này hầu hết các trường đại học ban hành những quy định cụ thể. Quy chế Trường Đại học Lạc Hồng [14] và Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn [11] không chế tổng nội dung trích dẫn dưới 20%; trong khi đó, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh [15] và Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh [12] không chế dưới 50%... Sản phẩm khoa học có tỷ lệ nội dung trích dẫn vượt quá giới hạn đó bị xác định trích dẫn không hợp lý. Để kiểm soát quy định này, nhiều trường trang bị phần mềm kiểm tra tỷ lệ trùng lặp trích dẫn. Tuy nhiên, biện pháp này không phải là giải pháp tối ưu, nếu người

thực hiện sản phẩm khoa học trích dẫn từ những tác phẩm không nằm trong dữ liệu của phần mềm. Trường Đại học Lạc Hồng đã từng ban hành Quyết định số 841/QĐ-ĐHLH thi hành kỷ luật cùng lúc đối với 15 sinh viên nghiên cứu khoa học, vì có hành vi trích một lượng lớn thông tin từ tác phẩm của tác giả khác, chiếm từ một nửa đến hai phần ba đề tài nghiên cứu [14].

- *Cân đối lượng nội dung trong một lượt trích dẫn.* Hiện không có quy định nào của pháp luật cũng như quy chế của các trường đại học quy định về số lượt và tỷ lệ nội dung mỗi lượt trích dẫn trong tác phẩm mới. Tuy chưa có quy định nhưng để bảo đảm vừa không lu mờ nội dung sáng tạo với nội dung trích dẫn nên cần có kỹ năng trích dẫn hợp lý hay chú thích.

Thứ ba, trích dẫn phải bảo đảm tính nguyên gốc, không làm sai lệch ý tác giả. Khoản 1, Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi bổ sung) quy định việc trích dẫn hợp lý tác phẩm không được làm sai ý tác giả, tức phải bảo đảm tính nguyên tác. Trong môi trường giáo dục đại học, trích dẫn làm sai ý tác giả không chỉ khiến thông tin bị nhiễu, người học hoang mang, mà còn gây phương hại uy tín khoa học của tác giả. Tác giả có thể đồng tình, phản biện nội dung trích dẫn, nhưng tuyệt nhiên không được suy diễn sai ý của tác giả có tác phẩm được trích dẫn. Mỗi câu trong tác phẩm thể hiện một ý nào đó của tác giả; nhiều câu tạo thành một đoạn và nhiều đoạn tạo thành tác phẩm trong một chỉnh thể logic về nội dung, ý tưởng. Do vậy, khi trích dẫn không được chèn, ngắt một phần câu/đoạn, vì sẽ không truyền tải hết logic nội dung, ngữ cảnh phân tích trích dẫn, cũng như ý tưởng của tác giả có tác phẩm được trích, cho dù điều đó có thể tăng thêm tính thuyết phục.

Thứ tư, phải thể hiện đầy đủ các thông tin liên quan đến tác phẩm được trích dẫn. Hiện nay Việt Nam chưa có bộ quy chuẩn cụ thể để áp dụng một cách thống nhất về vấn đề này. Tuy nhiên, nhiều trường đại học ban hành những

hướng dẫn cụ thể trong việc thực hiện luận văn, đồ án, giáo trình hoặc các sản phẩm khoa học khác. Trên thực tế, việc trích dẫn không phải bao giờ cũng đơn giản theo logic “Tên tác giả - năm công bố - tên tác phẩm - nhà xuất bản - số trang). Bởi thực tế xảy ra các trường hợp:

- Tác phẩm cho nhiều người cùng sáng tạo (viết chung mà không có sự tách bạch hoặc có sự phân công rõ ràng phần thực hiện của từng người).

- Tác phẩm trong tác phẩm: như bài viết trong các cuộc hội thảo, hội nghị, tọa đàm được in chung thành sách hoặc kỷ yếu mà sách, kỷ yếu đó lại đặt một tên chung cho toàn bộ các tác phẩm được in kèm bên trong.

- Nội dung trích dẫn trực tiếp hoặc nguồn thứ cấp. Nếu trích dẫn trực tiếp từ nguồn sơ cấp (từ bản sao tác phẩm mà người trích dẫn có được) thì không khó, nhưng nếu trích dẫn từ nguồn trích dẫn lại (nguồn thứ cấp) thì vấn đề trích dẫn như thế nào cho hợp lý. Điều này cũng cần phải hướng dẫn cho người học để tránh lúng túng hoặc mắc phải sai phạm khi trích dẫn.

- Trích dẫn từ các nguồn trên mạng. Các bản sao tác phẩm trên mạng internet nhiều khi không có tên tác phẩm, không thể hiện tên tác giả, năm công bố... nên không bảo đảm tính trung thực, độ tin cậy và không thể kiểm chứng.

Như vậy, khi đã có kiến thức, ý thức và kỹ năng cơ bản như trên sẽ hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật quyền tác giả, nhất là hành vi vi phạm trích dẫn trong môi trường giáo dục đại học, tránh tình trạng, sản phẩm khoa học không được hình thành trên cơ sở cóp nhặt từ nhiều tác phẩm khác. Trong môi trường giáo dục đại học, khi thực hiện sản phẩm khoa học, tác giả phải xác định nội dung và mục tiêu vấn đề cần giải quyết; thậm chí đối với đề tài khoa học, luận văn, luận án... còn yêu cầu phải có tính mới. Những điều này tạo nên nội dung chính của tác phẩm và phải do tác giả thực hiện bằng chính lao động trí tuệ, nghiên cứu của mình. Nếu cần, có thể trích

dẫn tác phẩm khác để làm nổi bật kết quả nghiên cứu của mình. Do vậy, không thể gọi là một sản phẩm khoa học, nếu sản phẩm đó được hình thành bằng cách chắp vá, cóp nhặt từ các sản phẩm khác; nội dung tự nghiên cứu của nó quá mờ nhạt hoặc hoàn toàn không có. Trong điều kiện hiện nay, việc tải, cắt dán, trích dẫn và sao chép thông tin đa dạng từ mạng internet trở nên quá dễ dàng cộng thêm sự thiếu ý thức tuân thủ pháp luật về quyền tác giả đã làm cho tình trạng vi phạm trích dẫn trở nên đáng lo ngại. Không quá khó để thấy vi phạm trích dẫn dưới hình thức này trong các bài tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thuyết trình của sinh viên, kể cả luận văn cao học, luận án tiến sĩ, thậm chí sách do giảng viên biên soạn.

4. Một số gợi ý đối với việc giảng dạy, học tập và thực hành pháp luật quyền tác giả trong môi trường giáo dục đại học ở Việt Nam

Để bảo đảm việc giảng dạy, học tập, cũng như nâng cao kỹ năng sử dụng tác phẩm phù hợp với quy định của pháp luật trong môi trường giáo dục đại học, cần thiết phải xây dựng môn học với một số gợi ý sau:

Thứ nhất, về môn học và đối tượng học. Trước hết cần thiết kế học phần với tên gọi “*Pháp luật quyền tác giả*” là học phần bắt buộc trong chương trình giảng dạy cho sinh viên các ngành như: khoa học xã hội, nhân văn, ngoại ngữ, kinh tế, mỹ thuật, phần mềm. Bởi sinh viên theo học các ngành này thường thực hiện nhiều tác phẩm có tính sáng tạo cao như bài luận, báo cáo khoa học, văn thơ, phần mềm, phim ảnh, bài báo, tranh ảnh hội họa... Việc trang bị cho nhóm sinh viên này kiến thức pháp luật quyền tác giả không chỉ phục vụ trong học tập mà còn hỗ trợ cho hoạt động nghề nghiệp sau này. Lưu ý học phần này không áp dụng cho việc đào tạo các chuyên ngành luật. Vì vấn đề quyền tác giả được giảng dạy trong môn học Sở hữu trí tuệ - học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo luật. Trong môn học này, sinh viên các chuyên ngành

luật được nghiên cứu sâu hơn pháp luật quyền tác giả. Các ngành khác như y, dược, khoa học sức khỏe, cơ khí, chế tạo máy, hóa, nông nghiệp... thì có thể không học pháp luật quyền tác giả mà nên thiết kế học phần SHTT gắn với phần bảo hộ công nghiệp.

Thứ hai, về phân bổ thời lượng giảng dạy, học tập.

Tổng thời lượng cho học phần là 2 tín chỉ (tương đương 30 tiết) và phân bổ như sau:

- 18 tiết giảng dạy nhóm nội dung kiến thức lý thuyết (lý luận chung và quy định của pháp luật về quyền tác giả);

- 07 tiết hướng dẫn kỹ năng (bao gồm kỹ năng trích dẫn, kỹ năng lập hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền tác giả và kỹ năng sử dụng các công cụ công nghệ để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm);

- 05 tiết thực hành và kiểm tra.

Thứ ba, về phương pháp giảng dạy.

Giảng dạy phần lý thuyết không nên sử dụng phương pháp độc thoại từ phía giảng viên mà cần tăng cường tương tác với sinh viên bằng những câu hỏi ngắn, kết hợp với tình huống cụ thể. Đối với phần hướng dẫn kỹ năng thực hành pháp luật quyền tác giả cần cho sinh viên nghiên cứu theo nhóm và phối hợp giữa các phương pháp:

- (1) Đưa ra một số tình huống về trích dẫn và yêu cầu chọn những tình huống trích dẫn đúng và tình huống trích dẫn sai quy cách.

- (2) Đối với tình huống trích dẫn sai quy cách, yêu cầu sửa lại cho đúng.

- (3) Đưa ra một vài chủ đề để sinh viên làm bài tập tiểu luận ngắn, trong đó yêu cầu phải có nhiều trích dẫn (nhằm mục đích kiểm tra kỹ năng trích dẫn sau khi đã được học lý thuyết cũng như hướng dẫn thực hành).

- (4) Yêu cầu mỗi nhóm sinh viên sáng tác một tác phẩm nghệ thuật (thơ, tranh vẽ, bài nhạc...) và trình bày cách thức lập hồ sơ để đăng ký bảo

hộ quyền tác giả đối với tác phẩm; đồng thời nêu ra các cách thức giải quyết mang tính pháp lý để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình khi bị xâm phạm.

Thứ tư, tham khảo kinh nghiệm của một số trường đại học trên thế giới về giảng dạy, bảo vệ quyền tác giả trong giáo dục đại học.

Kinh nghiệm quốc tế trong việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho thấy, tại các quốc gia mà trình độ nhận thức của công chúng về sở hữu trí tuệ càng cao thì tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ càng thấp và đó là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng về kinh tế - xã hội. Theo nhu cầu của từng quốc gia, phụ thuộc vào từng cơ sở đào tạo, đào tạo nhân lực sở hữu trí tuệ có thể chỉ dừng ở mức độ là một môn học, hoặc có thể các mức độ cao hơn như đào tạo chuyên ngành đại học. Môn học Sở hữu trí tuệ được thiết kế trong chương trình một cách độc lập hoặc lồng ghép với các môn học chuyên ngành khác là xu hướng chung của hầu hết các trường đại học nổi tiếng trên thế giới như: Đại học George Washington của Hoa Kỳ, Viện Sở hữu trí tuệ thuộc Đại học Queen Mary, University of London của Anh, Viện Max Planck của Đức, Viện SHTT của Nga, Đại học Zurich của Thụy Sĩ, Khoa SHTT thuộc Đại học Công nghệ Osaka của Nhật Bản [4].

Ở Đài Loan, Cơ quan sở hữu trí tuệ yêu cầu các trường đại học phải xây dựng “Quy tắc sử dụng hệ thống mạng của trường”, trong đó, quy định rõ các hành vi có khả năng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mà người sử dụng mạng phải tránh, ví dụ như: sử dụng chương trình máy tính chưa được phép; tải về, sao chép bất hợp pháp các tác phẩm được bảo hộ bản quyền; đưa tác phẩm được bảo hộ bản quyền lên mạng chưa được phép của chủ sở hữu quyền; cố ý sao chép các bài viết trên các diễn đàn khi chủ sở hữu quyền đã tuyên bố không được sao chép... Đồng thời, quy tắc cũng đưa ra các hành vi mà người sử dụng không được thực hiện để tránh lạm dụng hệ thống mạng của trường xâm phạm quyền và

lợi ích của người khác, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ. Nếu người sử dụng mạng cố tình xâm phạm sẽ bị ngừng cung cấp dịch vụ mạng và bị áp dụng các hình thức xử lý theo nội quy nhà trường và quy định của pháp luật [1].

Trong khi đó, ở Đức, nghiên cứu sinh tiên sỹ được khuyến khích đưa vào luận án của mình các bài tham luận, bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành, vì đó là các kết quả đã được các chuyên gia thẩm định trước khi công bố. Ở đây, việc không ghi rõ nguồn gốc phần trích dẫn hoặc sử dụng kết quả của chính mình, được đa số giới luật học đồng ý là chấp nhận được trên cơ sở vận dụng lý thuyết “Tiếp thu vô thức” khi nghiên cứu sinh đang chịu một áp lực rất lớn về mặt thời gian, về kết quả luận án. Tương tự, trường hợp nghiên cứu sinh đưa một số phần trong công trình nghiên cứu chung với nhiều tác giả khác trước kia vào luận án tiến sỹ của mình, mà không đề tên các tác giả khác, vẫn có thể được coi là không xâm phạm quy chế đào tạo, nếu nghiên cứu sinh thật sự có tham gia sáng tạo trong phần được đưa vào đó. Lý do là khả năng phối hợp nghiên cứu với những người khác cũng là một trong những tiêu chuẩn đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập của nghiên cứu sinh [4].

5. Kết luận

Trong môi trường giáo dục đại học, việc giảng dạy pháp luật sở hữu trí tuệ nói chung, pháp luật quyền tác giả nói riêng đã đến lúc không thể trì hoãn vì bất cứ lý do gì. Bởi tình trạng vi phạm quyền tác giả trong môi trường này gần như không thể kiểm soát và tác động tiêu cực đến chất lượng giáo dục đại học. Việc dùng pháp luật, quy chế để xử lý vi phạm quyền tác giả cũng chỉ là giải quyết việc đã rồi và với kết quả xử lý thế nào cũng không ai mong muốn, dù là chủ thể xử lý hay cá nhân bị xử lý. Trong bối cảnh đó, rất thiết thực khi đưa việc giảng dạy nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên, học viên về quyền tác giả nhằm chuyển hóa nhận thức thành hành vi văn minh, hợp pháp trong việc

khai thác, sử dụng tác phẩm của người khác. Trường đại học luôn là nơi hàng đầu trong việc nuôi dưỡng, ươm mầm sáng tạo và yếu tố tiên quyết để thành công trong sáng tạo là cần thiết phải xây dựng “văn hóa bản quyền” mà khởi đầu bằng việc nâng cao hiểu biết và thực thi nghiêm túc pháp luật quyền tác giả.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Công thương. (2011). *Một số kinh nghiệm quản lý quyền sở hữu trí tuệ trong các trường đại học*. Truy cập ngày 01/5/2024, từ <http://nhanhieuviet.gov.vn/vn/kien-thuc/mot-so-kinh-nghiem-quan-ly-quyen-so-huu-tri-tue-trong-cac-truong-dai-hoc-40403.phtml>.
- [2] Chính phủ Việt Nam. (2015). Nghị định 73/2015/NĐ-CP ban hành ngày 08 tháng 09 năm 2015 về “*Tiêu chuẩn phân tầng khung xếp hạng tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học*”.
- [3] Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc. (1948). *Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948*. Truy cập ngày 13/2/2024, từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyien-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>.
- [4] Hải, T.V. (2009). *Đào tạo nhân lực sở hữu trí tuệ trong các trường đại học – từ kinh nghiệm của trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*. truy cập ngày 10/01/2024, <https://thongtinphapluatdانسu.edu.vn/2009/11/10/4039/>.
- [5] Lân, N. (2006). *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp, trang 1906.
- [6] Nam, N.V. (2017). *Quyền tác giả - đường hội nhập không trải hoa hồng*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ, trang 575.
- [7] Nét, L. (2006). *Quyền Sở hữu trí tuệ*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia, trang 72.
- [8] Nhung, H. (2017). *Sao chép trong khoa học, được không?*. Truy cập ngày 11/1/2024, từ <https://tuoitre.vn/sao-chep-trong-khoa-hoc-duoc-khong-1250308.htm>.
- [9] Quốc hội. (2013). Luật Khoa học và Công nghệ, ban hành ngày 19/6/2013.
- [10] Quốc hội. (2018). Luật Giáo dục đại học, ban hành ngày 19/11/2018.
- [11] Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. (2018). Quyết định Số 02/QĐ-ĐHKHX&HN, ngày 19/1/ 2018 về việc ban hành “*Quy định về trích dẫn và chống đạo văn*”.
- [12] Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh. (2015). Quyết định số 291/QĐ-UEF ngày 30/8/2015 về việc ban hành “*Quy định về trích dẫn và chống đạo văn*”.
- [13] Trường Đại học Lạc Hồng. (2010). Quyết định số 841/QĐ – ĐHLH ban hành ngày 15/06/2010 “*Về việc thi hành kỷ luật đối với sinh viên đạo văn trong nghiên cứu khoa học sinh viên lần thứ 14*”.
- [14] Trường Đại học Lạc Hồng. (2016). Quyết định Số 1130/QĐ-ĐHLH ngày 31/12/2016 về việc ban hành “*Quy định về việc kiểm soát và xử lý đạo văn trong các sản phẩm học thuật*”.
- [15] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. (2015). Quyết định số 250/QĐ-ĐHL ngày 03/03/ 2015 về việc ban hành “*Quy định về trích dẫn và chống đạo văn*”.
- [16] Viện Ngôn ngữ học. (2002). *Từ điển Tiếng Việt phổ thông*. Nxb: Phương Đông, trang 952.
- [17] Ý, N.N. (2013). *Đại từ điển tiếng Việt*. TP. Hồ Chí Minh; Nxb: Đại học quốc gia, trang 1977.